Chi tiết mã HS 9503.00.60

Mã HS	9503.00.60
Mô tả hàng hóa	Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đố trí (puzzles) / - Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người
Đơn vị	chiếc/bộ/hộp
Thời điểm tạo	05/11/2026 18:05:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95030060/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18729
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18729
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18729
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-LA, TH)	0% (trừ LA, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18000
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17929
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17929
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17929
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17929
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17929
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17929
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E17985
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17985
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17985
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17985

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17985
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17985
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E17986
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F17986
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17986
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17986
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17986
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17986
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17991
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17948
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17943
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17943
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17943
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17943
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17943
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17943
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17991
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17991
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17991
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17991
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17991
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17991
VCFTA	2022	2022	4	VC!D18055
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18055
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18055
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18055

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18055
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18055
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18029
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18029
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18029
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18029
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18029
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18029
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D18022
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E18022
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F18022
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G18022
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H18022
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18022
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D18052
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18052
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18052
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18052
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18052
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18052
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D18051
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18051
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18051
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18051
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18051
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18051

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18145
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18145
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18145
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18145
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18145
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18145
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18145
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D18016
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E18016
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F18016
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G18016
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H18016
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I18016
RCEP B	2022	2022	18	B!D18016
RCEP B	2023	2023	16	B!E18016
RCEP B	2024	2024	14	B!F18016
RCEP B	2025	2025	12	B!G18016
RCEP B	2026	2026	10	B!H18016
RCEP B	2027	2027	8	B!I18016
RCEP C	2022	2022	18	C!D18014
RCEP C	2023	2023	16	C!E18014
RCEP C	2024	2024	14	C!F18014
RCEP C	2025	2025	12	C!G18014
RCEP C	2026	2026	10	C!H18014
RCEP C	2027	2027	8	C!I18014
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D18013

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E18013
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F18013
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G18013
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H18013
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I18013
RCEP E	2022	2022	18	E!D18018
RCEP E	2023	2023	16	E!E18018
RCEP E	2024	2024	14	E!F18018
RCEP E	2025	2025	12	E!G18018
RCEP E	2026	2026	10	E!H18018
RCEP E	2027	2027	8	E!I18018
RCEP F	2022	2022	18	F!D18016
RCEP F	2023	2023	16	F!E18016
RCEP F	2024	2024	14	F!F18016
RCEP F	2025	2025	12	F!G18016
RCEP F	2026	2026	10	F!H18016
RCEP F	2027	2027	8	F!I18016
VIFTA	2024	2024	18	VI!F16891
VIFTA	2025	2025	16	VI!G16891
VIFTA	2026	2026	14	VI!H16891
VIFTA	2027	2027	12	VI!I16891

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9503.00 có 15 dòng thuế; dòng 9503.00.60 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người.	9503.00.10 Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê; 9503.00.21 Búp bê, có hoặc không có trang phục; 9503.00.22 Quần áo và phụ kiện quần áo; giầy và mũ; 9503.00.29 Loại khác; 9503.00.30 Xe điện, kể cả đường ray, đèn hiệu và các phụ kiện khác của chúng; 9503.00.40 Các mô hình thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mô hình giải trí tương tự, có hoặc không vận hành	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9503.00.60. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9503.00.60 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18729), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.